

Số: 126 /VTVcab

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2022

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN
của BCTC Công ty mẹ quý 4 năm 2021
thay đổi từ 10% trở lên so với BCTC
cùng kỳ năm trước

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam
Mã chứng khoán: CAB
Địa chỉ: Số 3/84 đường Ngọc Khánh, P.Giảng Võ, Q.Ba Đình, Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 06/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ –SGDHN ngày 29/09/2016 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (VTVcab) giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính Công ty mẹ quý 4 năm 2021 của VTVcab thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước:

CHỈ TIÊU	Quý 4 năm 2021	Quý 4 năm 2020	Chênh lệch quý 4 năm 2021 so với quý 4 năm 2020	
			Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % tăng/giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	588.009.231.908	621.180.880.850	(33.171.648.942)	-5%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	4.025.000	1.750.000	2.275.000	130%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	588.005.206.908	621.179.130.850	(33.173.923.942)	-5%
4. Giá vốn	442.331.108.338	436.250.181.597	6.080.926.741	1%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	145.674.098.570	184.928.949.253	(39.254.850.683)	-21%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	379.715.925	26.276.269	353.439.656	1345%
7. Chi phí tài chính	(369.325.752)	9.599.786.706	(9.969.112.458)	-104%

- Trong đó: Chi phí lãi vay	2.896.507.682	5.226.999.234	(2.330.491.552)	-45%
8. Chi phí bán hàng	64.514.156.018	84.934.095.036	(20.419.939.018)	-24%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	54.400.801.609	52.113.560.797	2.287.240.812	4%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	27.508.182.620	38.307.782.983	(10.799.600.363)	-28%
11. Thu nhập khác	1.071.315	1.116.144.283	(1.115.072.968)	-100%
12. Chi phí khác	276.917.083	159.805.187	117.111.896	73%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	(275.845.768)	956.339.096	(1.232.184.864)	-129%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	27.232.336.852	39.264.122.079	(12.031.785.227)	-31%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.460.338.881	8.553.026.467	(4.092.687.586)	-48%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	152.502.230	117.396.736	35.105.494	30%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	22.619.495.741	30.593.698.876	(7.974.203.135)	-26%

Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính Công ty mẹ quý 4 năm 2021 của VTVcab giảm 26% so với Báo cáo tài chính Công ty mẹ quý 4 năm 2020 của Công ty. Nguyên nhân chính là do trong quý 4 năm 2021 tình hình Covid diễn biến phức tạp, doanh thu của VTVcab đã giảm 5% so với quý 3 năm 2020, mặc dù VTVcab đã tiết kiệm một số khoản chi phí như chi phí tài chính giảm 100% (chủ yếu là chi phí lãi vay, chi phí dự phòng đầu tư tài chính), chi phí bán hàng giảm 24%. Tuy nhiên, tổng lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2021 của VTVcab vẫn giảm 26% so với cùng kỳ năm 2020. ✓

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, TCKT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hoàng Ngọc Huấn